

Lạm bàn về giọng nói, cách phát âm và thổ ngữ trong tiếng Việt

NHÂN TRUYỀN PHA NHO

Khoảng cuối hè 1992, anh chị P.N.X. đến thăm tôi. Vừa tay bắt mặt mừng xong, chưa kịp hàn huyên, anh X., dân Hà Nội, đã hỏi một câu khiến tôi chưng hửng: “Sao người Huế của toa tốt thế?”. Võ lẽ ra là anh ấy khôi hài và chế giễu tôi về giọng Huế bằng chuyện tiểu lâm về một tên trộm lén vào vườn một gia đình người Huế để bối trộm sắn (khoai mì), và đã được nghe bà chủ nhà, thay vì hô hoán lên, bảo gấp: “Sượng, sượng!!”.

Vâng, tôi là dân gốc Huế, sống tại Huế và với Huế gần 50 năm cho đến 1975. Tôi chưa từng biết miền Bắc. Hướng về Bắc, tôi chỉ ra đến Đồng Hới. Vùng Cao nguyên, tôi chỉ biết Bảo Lộc và Đà Lạt. Hướng về Nam, tôi đã đặt chân lên hầu hết mọi nẻo từ các tỉnh phía Nam Trung phần đến Lục Tỉnh, ngoại trừ Vị Thanh, Chương Thiện và Tịnh Biên. Tuy vậy, trong cuộc đời công chức, tôi đã có dịp tiếp xúc với nhiều người của mọi miền đất nước, và đã cố gắng tìm hiểu, học hỏi, phân tích và bắt chước giọng nói, cách phát âm và thổ ngữ trong tiếng Việt. Như hai chữ lạm bàn đã dùng trên tiêu đề, tôi chỉ ghi chép ra đây những gì tôi đã được nghe, được biết cùng những nhận xét cá nhân, và vì là dân Huế, đã ở Huế hơn nửa cuộc đời, cho nên sẽ bào chữa cho Huế và nói nhiều về Huế.

Thông thường, người ta cho là có ba giọng nói: giọng Bắc, giọng Nam và giọng Huế, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là ba giọng chính, Thanh Hóa cũng nói giọng Bắc, song nhẹ hơn Nghệ An, Hà Tĩnh; Quảng Bình, Quảng Trị nói giọng Huế song nặng hơn; từ Quảng Nam trở vào thì giọng nói đã thiên về giọng Nam, song vẫn có giọng Quảng (Nam và Ngãi); giọng Nha Trang, giọng Đà Lạt, nơi này có một vài khác biệt với nơi khác. Người Nam-Bắc hay chế giễu giọng Huế, bảo là hay bỏ dấu nặng vào các từ có dấu sắc, dấu hỏi và dấu ngã. Đối với họ, giọng Huế chỉ có dấu huyền, dấu nặng hoặc không dấu. Chẳng hạn trong truyện Nắng Hanh Vàng của nhà văn Vũ Trọng Can viết về một “mệ” tiểu thư Huế vì cần trả nợ cho cha, đã cam chịu làm vợ lẽ cho một cụ Hàn giàu có ở Hà Nội, khi bảo người giúp việc đem tiền ra trả cho bác phu xe: “Mi đem ra trả (trả) mặy (mặy) xu ni!”. Nhưng thật ra, người Huế vẫn sử dụng đủ các dấu, song vì giọng trầm

hơn các giọng Nam-Bắc, và giữa người Huế với nhau, nói với nhau, vẫn phân biệt rõ ràng các dấu sắc, hỏi (hoặc ngã) và dấu nặng. Các bạn không phải dân Huế, có bạn nào đã từng có vợ, có người yêu là gái Huế, nếu bảo là dân Huế chỉ chuyên dùng dấu nặng, chắc hẳn đã chẳng hiểu gì với những lời lẽ lí nhí, vừa thấp vừa nhẹ trong những lần đầu tỏ tình. Xin mạn phép mời các bạn có vợ Huế như L.T.T., C.T.P. cho ý kiến về điểm này. Dân Huế vẫn hiểu với nhau, rõ ràng như khi đàm thoại với người Bắc hoặc người Nam. Có thể ví như các giọng Nam-Bắc với các dấu nặng, hỏi, sắc, là các nốt nhạc la, do, mi (cao) mà giọng Huế thì chỉ là do, ré, mi (thấp), nhưng vẫn là do, ré, mi chứ không phải do, do, do! Nặng nhất, thấp nhất thì đứng hơn, có các giọng Nghệ Tĩnh, vào Quảng Bình, Quảng Trị, thì bớt dần cho đến Thừa Thiên (Huế). Qua khỏi đèo Hải Vân, địa đầu tỉnh Quảng Nam, thì giọng nói lại lên, hướng vào giọng Nam. Tôi cho rằng giọng Bắc thanh và nhẹ, giọng Huế thấp và nặng, giọng Nam cao và chắc. Giọng nói ảnh hưởng nhiều đến âm nhạc dân gian của mỗi vùng. Sau hiệp định Genève 1954, đoàn cải lương Kim Chung, Tiếng Chuông Vàng Thủ Đô, di cư vào Nam, mở rạp và chuyên diễn kịch nói nhiều hơn ca hát. Nhưng khán giả miền Nam phần lớn thích nghe ca vọng cổ, và trước sự đe dọa phá sản, đoàn Kim Chung đã phải cho đào kép ca vọng cổ, và thật buồn cười khi nghe những Kim Chung, Bích Hợp, Huỳnh Thái Ưu với giọng Bắc: “... ái.. ái.. ái... tình”, với âm “tình” nhẹ nhè chứ không chắc nịch như trong giọng ca của các nghệ sĩ miền Nam như Ngọc Giàu, Bach Tuyết, Thành Được. Giọng Bắc chỉ dùng được cho hát nói, hát chèo, hát quan họ..., giọng Huế cho ca Huế, hò mái đầy, và giọng Nam cho cải lương vọng cổ. Nhưng bước vào lãnh vực tân nhạc thì ta phải công nhận rằng, dù là người Bắc, Nam hay Trung, muốn hát cho hay, cho nghe được, thì phải hát với giọng Bắc, ngoại trừ một vài quái kiệt như cô Trần Văn Trạch vẫn chuyên hát với giọng Nam, còn hầu hết đều sử dụng giọng Bắc. Ca sĩ Phương Dung một thời nổi tiếng, đã làm tôi làm tưởng là người Bắc cho đến khi trong một tiết mục kim cổ giao duyên, cô ta đã ca vọng cổ rất mùi, và tôi mới được biết đó là “con nhạn

tráng Gò Công”! Khoảng đầu thập niên 40, tôi học tại trường trung học Khải Định, Huế; có một giáo sư Việt Văn lẵn Pháp Văn, cố Đ.N., một hôm hứng chí bảo chúng tôi: “Này các con! Sau này lấy vợ, nên lấy người Bắc, vì các cô ấy chửi nghe cũng sướng!”. Tôi không rõ thầy tôi có vợ Bắc chăng mà khẳng định như vậy, và tôi không được hân hạnh cưới vợ Bắc và cũng chưa từng được nghe cô gái Bắc nào chửi, cho nên chưa nếm được cái sướng đó. Xin bạn H.T. xác nhận hoặc đính chính giùm điểm này.

Tuy giọng nói thấp và nhẹ, nhưng người Huế lại có khả năng bắt chước giọng Bắc, giọng Nam dễ dàng, trong lúc người Bắc-Nam khó bắc chước giọng Huế. Người Nam lại có quan niệm ai nói giọng Nam mới là người Nam, thậm chí mới là người Việt Nam, ai không nói giọng Nam, dù là Bắc hay Trung, đều được coi là người Bắc kỳ! Trước năm 1954, việc giao lưu giữa ba miền rất hiếm, nên ít hiểu nhau, sau đó, với một triệu người Bắc và Trung di cư vào Nam, sự tiếp xúc gia tăng nên dần dần sự hiểu biết do cách biệt về giọng nói có phần dễ dàng hơn trước. Khoảng cuối thập niên 40, tôi trọ tại nhà một người bạn ở Sài Gòn trong một tháng, sử dụng rặt giọng Nam, nên trong nhà bạn tôi, mọi người đều tưởng tôi là người Nam. Nhân dịp em gái tôi vào thăm, cô ấy chỉ nói giọng Huế, ban đầu bà cụ, mẹ anh bạn, nghe không hiểu nổi, và cụ bảo: “Cô ấy nói như chim hót! Té ra cậu Trù không phải người Việt mình mà là Bắc kỳ ha!”. Có một sinh viên người Huế, học ở cạnh trường tôi, chúng tôi biết mặt nhau chứ không quen nhau và thường thường anh ta nghe tôi trò chuyện với giọng Nam, nên ngỡ tôi là người Nam. Một hôm tôi gặp một anh bạn khác người Huế, và chúng tôi đàm thoại với giọng Huế! Anh sinh viên nói trên nghe được, ngẩn cả người và buột miệng thốt lên: “Trời ơi! Cái thằng Nam ni nói tiếng Huế hay quá!”. Một bầy cháu tôi từ Huế vào Sài Gòn thăm, đánh bạn với trẻ con lối xóm, lẽ dĩ nhiên là nói giọng Huế. Lũ trẻ Sài Gòn nghe không hiểu, đã bảo lũ cháu tôi: “Nói tiếng Dzíết đi mấy bồ!” Tôi cũng đã từng được một số người Bắc hỏi, sau một hồi trò chuyện bằng giọng Bắc, là “Anh bạn quê đâu ngoài ta đấy nhỉ?” Xin gác xa cho tôi cái ý nghĩa tự đề cao, cho mình là giỏi. Đây chỉ là kết quả của một khả năng trời cho và một sự kiên nhẫn tìm tòi, học hỏi và bắt chước giọng cho đúng, để dễ cảm thông trong lúc đàm thoại, tránh cái “dấu nặng” của giọng Huế. Cố Tổng thống N.Đ.D, người Trung, trong các thông điệp, diễn từ đã dùng giọng Nam (tuy không đúng lắm), nhưng cũng chỉ là để cho đồng bào dễ nghe, dễ hiểu với cương vị Quốc Trưởng, ai buộc phải nói khác giọng của mình.

Bước qua lãnh vực phát âm, đây là một vấn đề mà

các miền luôn luôn trách cứ nhau, chế giễu nhau, miền này bảo là miền kia nói giọng, đọc sai. Thật ra, thì miền nào cũng có cái đúng lẫn cái sai của nó.

Người Việt Nam, vì hiểu để, vì muốn tỏ lòng tôn kính tổ tiên, có thói đọc trêch một số từ khi trùng tên với các vị ấy, do đó đã có một số họ được phát âm theo nhiều cách, như Võ-Vũ, Hoàng-Huỳnh, Chu-Châu, và một số từ khác như Long-Luông, Đôi-Hai v.v. Các vùng hiện được gọi là Hàm-Luông, Kim-Luông, Cầu-Hai, Kim-Hai v.v. đã mất hẳn tên nguyên thủy. Một số tên đường ở Thị xã này thì mang tên Võ Tánh, Ngô Tùng Châu, Phan Châu Trinh v.v. Có một điểm là sự thay đổi này tùy miền, miền Bắc thì dùng các họ Hoàng, Chu, Vũ v.v. (Hoàng Cao Khải, Chu Mạnh Trinh, Vũ Trọng Phụng) trong lúc miền Nam-Trung thì lại là Huỳnh, Châu, Võ (Huỳnh Tịnh Của, Võ Trường Toản, Huỳnh Thúc Kháng).

Về hai dấu hỏi (ả) và ngã (ã), người Bắc đọc rất đúng, phân biệt rõ ràng, trong lúc Trung và Nam đọc như nhau. Người Bắc phát âm dấu hỏi như là một tổng hợp từ dấu huyền xuống dấu nặng, và dấu ngã thì từ dấu huyền lên dấu sắc. Chủ nhà mời dùng thêm cơm, khách người Bắc nói: “Cho tôi xin nửa bát nữa”. Ông thợ tính tiền công: “Tôi làm hết ba giờ ruồi, xin giả cho tôi một trăm ruồi.” Ngay trong âm nhạc, các nhạc sĩ miền Bắc cũng lưu ý đặt lời với những từ có dấu hỏi ngã theo các nốt nhạc để khi hát, phân biệt đúng hai dấu này. Các lời nhạc, nếu không đúng như vậy, nhất định phải do các tác giả Trung-Nam soạn. Hãy nghe một nhạc sĩ tiền chiến: “Ôi, giấc mơ hoa đã tàn, xa rồi nha! ...” hoặc Phạm Duy: “Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi ...”, và ta thấy rõ từ nào mang dấu hỏi, từ nào mang dấu ngã. Nhưng trong một bài nhạc của Lưu Hữu Phước “Trời mây u ám, gió cuốn tả rơi hoa cỏ ...” thì cả hai từ tả và cỏ hát lên nghe như là mang dấu ngã. Các học sinh thi môn chính tả, nếu may mắn gặp giáo sư người Bắc thì chắc chắn sẽ không phạm lỗi sai dấu hỏi ngã.

Tuy bảo là người Trung vẫn sử dụng đủ năm dấu, nhưng tôi cũng nhận thấy một đôi vùng dùng sai dấu, hoặc lẫn lộn dấu. Như ở Thanh Hóa, Nghệ An, một số người bỏ mất dấu huyền trong các từ mang dấu ấy. Nhà hàng xóm có giỗ, đem biếu phần, bố mẹ đi vắng về, đưa con trình: “Hàng xóm có cho phần”. Bố mẹ hỏi lại: “Phần có gì? thì được trả lời: “Phân có gio a!” Một đôi vùng khác ở Nghệ An, Hà Tĩnh lại sử dụng lẫn nhau các dấu, nhất là dấu nặng thành dấu ngã, và ngược lại. Tôi đã tận mắt đọc một bộ trình thư cấp cho một nhân viên tên Mão đến huyện Châu Thành, đã được cô thư ký người Hà Tĩnh viết tên thành Mạo, đi công tác đến huyện Châu Thành. Và có bài thơ của Ba Giai (hay Tú Xuất) giễu cợt hàng

nước chè, tôi quên mất mấy câu:

Bán hàng năm nay có mấy tuổi?
Nước cô còn nóng hay là nguội?
Lưng lảng trên treo dăm năm nem,
Lơ thơ dưới móc một buồng chuối.
...
Biết nhau xin chịu một vài buổi.

Bài này đọc theo giọng lẵn lộn dấu, đã được Ba Giai-Tú Xuất đọc như sau:

Bán hàng năm nay cộ mấy tuổi?
Nước cô còn nóng hay là nguội?
Lưng-lảng trên treo dăm năm nem,
Lơ-thơ dưới móc một buồng chuối.
...
Biết nhau xin chịu một vài buổi.

Người Bắc đọc phân biệt rõ ràng các nguyên âm: an và ang, at và ac, iên và iêng, iêt và iêt, uon và ương v.v. trong lúc người Nam và Trung đọc như nhau: Lan và Lang, Cát và Các, Miên và Miêng, Trườn và Trường, Biết và Biếc. Không chỉ người Bắc phát âm như vậy, mà Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình Quảng Trị cũng phân biệt rõ ràng, song phát âm với giọng Huế. Các nguyên âm như on, ot, ôt v.v., một bên miền Bắc, một bên Nam-Trung phát âm khác nhau: Con, Ngọt, Hốt, phát âm theo Bắc thì nghe thấy rõ ràng các chữ n, t nằm cuối, trong lúc đó thì Nam-Trung lại phát âm theo lối viết ít được thông dụng như sau: Coong, Ngooc, Hooc (như tiếng chuông kêu Boong boong!). Lối phát âm của miền Bắc như trên đã khiến một số người Nam-Trung lầm tưởng người Bắc bỏ các chữ g, chữ c, trong phần cuối các từ, và thật đáng buồn cười khi nghe số người này hại tiếng Bắc: “tôi đi giữa đườn, di đến trườn học, đồ rát, rất tiết, màu xanh biết v.v.” Viết đến đây, tôi nhớ đến một giáo sư người Pháp, nói tiếng Việt theo giọng Bắc rất sôi, khoảng đầu thập niên 40, đã kể cho chúng tôi nghe về một tấm bảng rao hàng chỉ có 4 từ mà ông ta đã thấy đến 3 lối: “Sửa đặt có đường.”

Nhưng người Bắc lại đọc sai các nguyên âm như ưu, uou, thành iu, iêu v.v. Con tôi có người bạn mang họ Liu trong lúc bố anh ta mang họ Lưu, chỉ vì lúc làm khai sanh, phát âm sai nên hộ-lại nghe sao chép vậy. Anh bạn tên Nguyễn Trường Hưu đã luôn luôn bị Đ.V.K. gọi là “chàng hiu” (ngóe) với từ Trường đọc trích thành Tràng (như kiểu Võ-Vũ đã nói trên) ghép với cách phát âm sai phụ âm tr (sẽ nói sau). Còn anh bạn Trần Như Diệu thì đã được T.Q.V. gọi là “nu comme l'alcool”, từ Diệu đọc như rượu.

Tại một vài quận huyện ở Quảng Trị Thừa Thiên,

người dân địa phương phát âm chữ â thành ư: giận thành giưng, mắt thành mứt, và có chuyện khôi hài về bà mẹ bảo với con khi hàng xóm đem biếu mấy quả cam: “Đem cất trên bàn thờ, bợ (bô) mi về bợ mi ăn”. Quảng Nam, Quảng Ngãi thì phát âm a thành oa, ăn thành e: thắc mắc thành théc-méc, ăn thành en, và đã là đề tài của lâm sự chế giễu: “Ăn, không ăn, đồ cho chó ăn, tất đèn di ngủ, cần rắn chó chi!” thành “En, không en, đồ chó chó en, tất đèn di ngủ, kèn-rèn chó chi!” Và có lẽ vì mặc cảm bị chế giễu, họ hay “thé-c-méc” nếu có ai hại giọng Quảng! “Chứa choa (cha) không bèng (bằng) phoa (pha) tiếng!” Cũng có cái sai nữa về sự lẵn lộn giữa ô và ơ: “Hồi hôm tui en côm với tôm” (hồi hôm tui ăn cơm với tôm). Khánh Hòa, Quảng Nam thì a thành e: cái nhè, con ghè (cái nhà, con gà).

Miền Nam thì giọng cao và chắc, cho nên ít thành ich, un thành ung: con dịch, miếng thích, ăn búng bò. Một số âm ngoại ngữ mà trong tiếng Việt không có âm tương ứng, đã được hai miền Nam Bắc diễn tả khác nhau, chẳng hạn như demain matin thì Bắc phát âm là “đờ manh ma tanh” trong lúc Nam thì “đờ me ma te”. Có một bản nhạc do tác giả Bắc sáng tác để ca ngợi một nhạc sĩ Việt đã đoạt được giải dương cầm quốc tế Chopin: “Nghe tiếng đàn anh, ngõ Chopin, thức dậy”... tên Chopin đã được sử dụng để điệp vận với từ anh ở trên, đã làm một nữ ca sĩ Bắc quen phát âm Sô-panh, đã khụng lại khi nghe các ca sĩ Nam hát Sô-phe!

Bước vào lãnh vực phụ âm, ta cũng thấy các miền, các vùng đều có một số sai sót. Ngoài Bắc phụ âm Tr được phát âm thành Ch, ngoại trừ một vài từ như Trời, Trăng, Trầu, chẳng rõ do đâu lại thành Giời, Giăng, Giầu. Bản tin AHCC số 65, trang 78, bạn N.S.T. đã viết bánh “trung” (chung), có lẽ bạn đã nghĩ phải viết Tr. Rồi đến S và X lẵn lộn, sử dụng thành xử dụng, xa trường thành sa trường v.v. Nếu tôi không lầm thì trước đây, phụ âm d được đọc nhẹ, có gió, còn phụ âm gi đọc mạnh hơn. Nay thì tôi thấy d hay gi giờ cũng có gió cả. Con dời hay ông giờ có nên đọc khác nhau không? Phụ âm r thành d (hoặc gi): rành rẽ thành dành dẽ. Vùng Thái Bình, Nam Định đọc tréo lẵn nhau các phụ âm L và N, S và Th: “Nàm thao?” (“làm sao”, “Toi nà (là) dân nục nộ (lục lộ”). Một vài quận ở Thừa Thiên cũng phát âm tréo lẵn nhau S và Th. Năm 1947, ở quận Quảng Điền, Pháp di ruồng, bắt gặp một nông dân mang đòn gánh. Hỏi đi đâu, làm gì, ông ta trả lời là “đi buôn súng” (thúng). Thế là Pháp đem ra bắn bỏ vì thông dịch viên cứ thế mà dịch! Dân Huế cũng có một số lớn không phát âm Nh được, mà chỉ dùng d (hay gi): “Ông nớ chưa già mà có diều (nhiều) già (nhà) cửa, diều tiên bạc!” Vùng Khánh Hòa

thì phát âm sai cả phụ âm Kh lẩn nguyên âm oa: “Phang phang (khoan khoan), để tui phá (khóa) xe đã!” “Phang phái (khoan khoái) quá!” Từ Phan-rang trở vô Nam là V và D lẩn lộn, phần lớn là V thành D: “Đi dô, đi đê”, tuy nhiên Phan Rang, Đà Lạt thay vì phát âm “con địch, miếng thịt” như miền Nam chỉ nói “con dít, miếng thịt” mà thôi. V và D lẩn lộn đến nỗi phải hỏi nhau là “Dê vê hay De đê?” Anh bạn Trần Như Diệu nhắc trên, có lần đi xin giấy thông hành, đã được cấp tấm giấy mang tên Viêt!! Rồi đến B và P. Tôi còn nhớ hồi học Toán, môn coniques, đã được nghe các bạn người Nam đọc là Barapole và Hyperpole thay vì Parabole và Hyperbole. Và phải đôi lúc hỏi nhau là “Bê phở hay Bê bò?” Vùng Lục tỉnh thì R thành G. Các bà vợ Pháp thường gọi con là Thằng Găng thằng Găc (Jean, Jacques, vì họ đọc chữ J không được, nên trêch ra R). Có một vài câu bỗn thói nói sai này như: “Gâu ghĩ gâu ghia ga gậm gập, gờ gâu gâu gụng, gờ gúng gúng gung ghinh” hoặc “Con găc găc ghi gục ghịch trong bụi gau găm”. Lẩn lộn nhiều nhất là H, Qu, Ng. và một số từ không phụ âm: Huy, Quy, Nguy và Uy phát âm một cách. Do đó có một số tên ngò ngô: Oanh (Hoành?), Kim-Hoanh (Oanh) vì lẽ các ông hộ lại cũng vấp phải khi nghe các bậc cha mẹ đến làm khai sanh. Về chữ V, tôi có một anh bạn người Nam từng cãi chày cãi cối với tôi là phát âm V cũng sai, phát âm D cũng sai sوت, mà phải gần như là Bvi: “đi bviô, cái bviòng bviàng” (đi vô, cái vòng vàng)!

Đại loại những sự sai sót như trên đã là đề tài cho bao sự chế giễu, cãi cọ, sự nói sự phải, vãi nói vãi hay! Song dù ai đúng ai sai, tiếng Việt vẫn được người Việt từ Bắc chí Nam hiểu nhau dù khác giọng, ngoại trừ trường hợp kẻ đối thoại dùng thổ ngữ khiến đôi khi lầm lẫn, khác hẳn với nước Tàu chẳng hạn, với vô số tiếng địa phương (dialecte) như tiếng Bắc Kinh, tiếng Quảng Đông, tiếng Phúc Kiến, tiếng Hải Nam v.v. đến nỗi phải dùng bút đậm, hoặc như nước Tây Ban Nha với các tiếng castellano (Espanol), Catalán, Gallego, Vasco, Valencia-no, viết và nói khác nhau!

Với tính đơn tiết của tiếng Việt, nên dân ta sinh sáng tác một số câu trùng vần hoặc cùng chung một phụ âm, đọc lên nghe rất ngò ngô, như câu “Rầu rĩ râu ria ra rậm rạp” hoặc “En không en, tép đèn đi ngủ ...” đã ghi ở trên. Xin kể thêm một số câu thường nghe như: “Bà ba béo bán bún bò bánh bèo bên Bộ Bình, bị bò bụng bể bụng, bò bị bắt bò bót ba bốn bứa” hoặc: “Thưa Thầy, thầy Th. thèm thịt thỏ thoí”. Hoặc tục hơn, và đã khiến một số học sinh mang tên với chữ Đ hoặc L. luôn luôn bị bè bạn giễu: “Đ. đợi đèn điện đỏ, đi đò đến đập đá để đ. đ.” và “L làm lục lộ, lúc lạnh lẽo, lạnh lẽo leo lên lầu le lưỡi l.l.”

Có một câu gồm khoảng 300 chữ T. nói về một thày tham tá tòa Thượng Thẩm thương một tiểu thư, làm cho cô ta thụ thai nên thâm tiêu tiền thu và bị điều tra nên phải treo cổ tự tử, song tôi không nhớ hết vì quá dài và lại gồm đến 3 phụ âm T, Th và Tr, bạn nào muốn biết, xin biên thư hỏi bạn Vĩnh Đào, địa chỉ có ghi trong Bản Tin AHCC số 65. Không những đặt câu mà thôi, có người còn sáng tác cả bài thơ tứ tuyệt mới tài chử, để khuyên một người bạn mắc thói trăng hoa, mang bệnh phong tình mà vẫn không chịu dứt:

*“Chạy chữa chai chân, chẳng chịu chừa!
Chín chịu chua chát chán chê chừa?
Cha chài chú chóp chơi cung chạ,
Chả chính chuyên chi chịu chực chò!”*

Mấy câu trên làm tôi liên tưởng đến câu sau đây của một nhà thơ Pháp: “Pour qui sont ces serpents qui sifflent sur nos têtes”, diễn tả tiếng rít của loài rắn (loại bò sát này có rít không?). Hoặc mấy câu đầu của bài thơ ngũ ngôn Cô hàng sữa của La Fontaine (với vần “ét”): Perrette, sur sa tête, ayant un pot au lait, Bien posé sur un coussinet ...” rồi so sánh với câu: “Xắt mǎng, rǎm mǎng, chấm nước nǎm, ăn mǎng”, các bạn nghĩ sao? Và xin đọc tiếp năm bảy lần xem có suông sẻ hay không hay là vấp váp, nói nhịa nửa chừng.

Nói về thổ ngữ, tôi nhớ có bài chị họ lấy chồng Bắc, sau mấy tháng ra ở Hà Nội về thăm, đã nói: “Cậu ơi! người Bắc họ nói chi lạ! Minh xắt thịt thì họ bảo là thái, mình vầm rau thì họ bảo là băm”. Tuy vậy, phải nhận định rằng có một số thổ ngữ của miền này thì miền khác vẫn hiểu, nhưng không sử dụng.

Cùng một quả, miền Bắc gọi là Roi, Trung là Đào và Nam là Mận. Cùng một đồng tiền mười xu, ở Bắc là hào, ở Trung là giác và ở Nam là cắc! Tôi đã làm câu ví: Giác cắc hào, đào mận roi. Một số tiếng từ miền này sang địa phương khác đã mang một nghĩa khác, như củ đậu (Bắc Trung) thì Nam gọi là củ sắn, trong lúc sắn (Bắc Trung) thì ở Nam lại là khoai mì. Chuối cau ở Huế lại là chuối cơm ở Nam, và chuối cau ở Nam lại được Huế gọi là chuối cau Quảng hay cau Đồng Nai. Chuối mật được gọi là chuối sứ, trong lúc chuối sứ lại là chuối hột. Quả na ngoài Bắc vào Trung Nam hóa thành trái mǎng cầu. Ngay tiếng chửi thề Đ.M. cũng được ba miền nói theo ba cách khác nhau. Tiếng đít (đánh rám) rất thông thường của miền Trung Nam, đã được miền Bắc hiểu theo nghĩa khác, thô tục hơn! Khiến có một giai thoại một vị bác sĩ người Huế phục vụ tại bệnh viện Phủ Doãn, khoảng thập niên 30, một sáng đi khám bệnh, đã hỏi một nữ bệnh nhân trẻ: “Đêm qua, chị có đít không?”

làm cô ấy đỏ bừng cả mặt, luống ca luống cuống chẳng biết trả lời sao, và bác sĩ đã hỏi tiếp: “Tui hỏi có địt không” Nếu không, tui cho địt”. Và bệnh nhân vừa mếu máo, thốn thúc đáp lại: “Bẩm quan nhón, ốm đau thế này, làm ăn gì được!” Tôi đã chứng kiến cảnh dở khóc dở cười của một anh bạn người Hà Nội, vào Đà Lạt học Võ Bị, nghỉ phép về Saigon chơi, đi ngang hàng hoa quả chợ Bến Thành, ghé vào một gian hàng thấy đào (mận, roi) nom rất ngon, mới hỏi bà chủ hàng: “Bà ơi! Doi bao nhiêu một ký?” thì, bạn hàng hoa quả chợ Bến Thành nổi tiếng danh đá, dữ dằn hơn cả bạn hàng tôm cá chợ Đồng Ba, Huế nữa, đã bị bà ta xỉa xói ngay: “Bộ tui ngồi đây để thầy giốn hả? Muốn mua doi thì thầy vô Sở Thú, chứ đây đâu có!”, làm anh bạn tôi chung hổng, bỏ đi một mạch, và sau đó nghe tôi giải thích anh ta mới vỡ lẽ!

Ở miền Nam có tiếng “chèn đét ơi” mà tôi nghĩ là biến thể của “trời đất ơi”. Tiếng về được kéo dài ra nghe như là “đia”. Vùng Cần Thơ có từ “ên” đôi lúc đọc nghe như là “on”, “đi ên”, hoặc “đi mình ên” có nghĩa là đi một mình. Vùng Quy Nhơn có từ “nẫu” có nghĩa là ông ấy, anh ấy, người ấy, cho nên người ta hay gọi Quy Nhơn là xứ nẫu. Miền Trung và miền Nam gọi anh là cha của bác, em cha là chú, chị hoặc em cha là cô, anh hoặc em mẹ là cậu, chị hoặc em mẹ là dì, vợ bác và bác, vợ chú là thím, vợ cậu là mẹ, chồng cô chồng dì là dượng, song miền Bắc có khác đôi chút anh cha anh mẹ chị cha chị mẹ đều gọi là bác, em cha em mẹ là chú (nam) và cô (nữ). Các bậc hôn phối cũng gọi như trên. Ra Bắc mà gọi chồng của cô là dượng thì sẽ bị lầm tưởng là cha ghê, Nam Trung gọi là dượng ghê: “... con đói thì con ăn khoai, đừng ở với dượng điếc tai láng giềng” hoặc “đi mô cho ngái cho xa, ở đây với dượng bằng ba lấy chồng”.

Huế thì có quá nhiều thổ ngữ, như “rứa, rảng, mô, tê v.v. Nói là Huế, song thật ra được sử dụng từ Nghệ An vào đến Quảng Ngãi. Người Nam, đôi lúc chê giêu, đã dùng một số từ này, song có phần sai. Hay nghe nhiều nhất là “đi mô, đi tê”, và sai vì tê là kia, ngày tê là ngày kia, dẳng tê là dẳng kia, vậy phải nói: “đi mô, đi dẳng tê”. Và hai từ “bây chừ”, mà lúc sau này thấy đây rây trong sách báo Việt ngữ, vì “chừ” có nghĩa là “bây giờ”, “đi chưa? - đi chừ”, nói “bây chừ” là “bây bây giờ”, là pléonasme, là thừa chử, và giới trẻ Huế ngày nay lại vấp phải sai lầm này, sau khi nghe bạn bè miền Nam nhiều phen sử dụng sai. Tôi đã từng đọc một số tập san của Huế, viết về Huế, và bắt gặp rất nhiều lỗi này do những tay bút tự do cho là “Huế chay” mà thật ra, viết như vậy là “Huế lai” mất rồi. Một số nhà văn Bắc Nam hay gán từ “hí” cho dân Huế, mà thật ra, Huế chỉ nói “hí”, có

nghĩa là “nhé”: “Đi hí?”, “Mân ri hí?” (đi nhé? làm thế này nhé?), có lẽ vì quan niệm giọng Huế lẫn lộn ba dấu hỏi, sắc nặng, như đã nói ở phần đầu.

Có một điều nhận xét tương tự như vấn đề giọng của mỗi miền được dùng cho cổ nhạc riêng của miền ấy, như đã nói ở trên, thổ ngữ cũng chỉ nên dùng riêng theo giọng của địa phương liên hệ. Hãy thử nghe một người Huế, nói giọng Huế “chay” như sau: “Đi đâu thế? Làm sao bây giờ? Sao vậy?”, ta sẽ thấy nó ngộ nghĩnh, khang khác thế nào ấy! Phải nói: “Đi mô rứa? Làm răng chừ? Răng rứa?”. Cũng sẽ có cảm giác này, nếu nghe một người Bắc hoặc Nam với giọng Bắc-Nam: “Làm (mân) ri nì!” v.v.

Nói thêm về thổ ngữ, Huế có từ “ấy” bao hàm rất nhiều nghĩa, có lẽ do người nói chưa kiểm ra từ đúng hơn. Các nữ sinh Đồng Khánh, đôi khi ghẹo nhau, bорм nhau, giêu nhau, nạn nhân bẽn lẽn nói: “Ấy mà dị” (bạn kỳ quái). Ông nội tôi hàng ngày ra cạnh lũy tre, đan ghe đan thúng, và thỉnh thoảng nghe ông gọi: “Thày ấy mô? Lấy cái ấy ra cho tau ấy một cái”, thế mà có ngay một chú của tôi “dạ” ngay và mang bao thuốc lá ra cho ông về một điều dễ hút. Cũng có một số từ khó hiểu hơn, phải giải thích, nếu không, thì người Bắc-Nam nghe được chẳng biết “mô tê mà rờ”. Đang ở trong nhà nghe con khóc, mẹ hỏi với ra: “Rảng em khóc rứa?” đã được chị giúp việc trả lời: “Tam tôn nẹp đúa tam khổt” (em đụng nẹp thủng em khóc). Từ “tam” được nói thay em, song chỉ dùng cho trẻ nít hay bè bạn (“Ba yên tam mèn” ba anh em mình), chứ không bao giờ dùng với vợ hoặc với bồ, vẫn dùng từ em như thường. Bà vợ, buổi chiều chồng đi làm về, trình lại chuyện hai cậu con đánh nhau: “Hai yên tam cãi chắc bura, rồi lôi nhau ra trùa cươi đậm chắc, một đứa trốt, một đứa cảy trốt cút” (hai anh em cãi nhau đã đời, rồi kéo nhau ra giữa sân đánh nhau, một đứa u đầu, một đứa sưng đầu gối). Và vô số thổ ngữ vùng Huế đã khiến người nghe lầm phen ngắn tò te!

Người Nam còn có lối nói nhanh, ghép hai từ làm một khi bỏ từ “ấy” và thêm dấu hỏi vào từ trước: trống, ngoài, ông, bà ánh chí” thay cho trong ấy, ngoài ấy, ông ấy, bà ấy, anh ấy, chị ấy, tương tự như trong Anh ngữ, các từ don’t, can’t, thay cho do not, can not, nghe rất dễ thương, với giọng Nam. Hiện nay, một số trẻ Huế, do tiếp xúc nhiều với bạn bè người Nam cũng bắt chước nói theo, song với giọng Huế, nghe không được.

Lạm bàn đã nhiều, song sai sót cũng chẳng ít, mong các bạn vui lòng chỉ giáo thêm. Và xin tạm dừng nơi đây. □